

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19/9/2017

*“V/v Ly hôn giữa chị H và anh H1,
nuôi con, chia tài sản, vay nợ chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quý

Ông Hà Đức Trưởng

Thư ký phiên toà: Ông Đào Văn Chí – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 122/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về việc *“Ly hôn, nuôi con, chia tài sản, vay nợ chung khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2017. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị H Sinh năm 1980

Bị đơn: Anh Hoàng Minh H1 Sinh năm 1976

Cùng trú tại: Khu Đ, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ, do ông Nguyễn Trung T – Giám đốc đại diện.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Việt T1 – P.giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 13/4/2017)

(Chị H, anh H1 đều có mặt, ông Tuấn có yêu cầu xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Trước đây chị và anh Hoàng Minh H1 có tự nguyện tìm hiểu, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ ngày 09/10/2008. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung không hòa thuận hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H1 hay uống rượu lại không chịu lao động, vợ chồng không hợp nhau. Chị đã phải bỏ nhà đi làm ăn nơi khác. Vợ chồng sống ly thân từ

năm 2013. Tại phiên tòa chị thấy không còn tình yêu thương, tình cảm đối với anh không còn. Nay chị đề nghị Tòa án xử cho chị và anh Hoàng Minh H1 được ly hôn.

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 06/4/2000 và Hoàng Huyền A, sinh ngày 23/3/2011 hiện nay các cháu đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng và cho ăn học. Khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và chị tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 01 nhà gỗ ba gian lợp prôximăng trị giá 15.000.000 đồng trên thửa đất không có tranh chấp, hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giao cho ai và 01 máy hút cát đã cũ trị giá 4.000.000 đồng. Tổng cộng 19.000.000 đồng.

Về vay nợ: Vợ chồng anh chị còn nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền gốc là 18.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hàng tháng. Nay chị đề nghị về tài sản chia đôi mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị và vay nợ đều chia đôi mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ $\frac{1}{2}$ khoản vay và lãi.

Tại biên bản lấy khai ngày 13/6/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Hoàng Minh H1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa anh và chị Hà Thị H có tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hòa thuận được vài năm đầu. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không bảo ban được nhau, kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn. Hiện nay vợ chồng ly thân như phần đã trình bày của chị H là đúng. Nếu chị H cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H đã trình bày là đúng. Hiện nay các cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn anh nhất trí để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Vì anh bị đau chân đi lại khó khăn, không làm ăn được nên anh nhất trí đề nghị của chị H là anh không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung; Vay nợ: Anh H1 nhất trí 02 loại tài sản, giá trị tài sản chung và khoản vay nợ hiện nay như chị H đã trình bày. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản chung anh nhất trí đề nghị chị H được sở hữu, có nghĩa vụ về khoản vay nợ tiền gốc và lãi của ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại bản tự khai ngày 28/5/2017, cháu Hoàng Thị H trình bày và có xác nhận của chị H và anh H1: Nếu bố mẹ cháu phải ly hôn thì nguyện vọng của cháu muốn được ở với mẹ của cháu là chị H.

Tại bản tự khai ngày 15/8/2017, ông Nguyễn Việt T trình bày (Bút lục số 32): Đến ngày 15/8/2017 chị H và anh H1 có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ 02 món vay:

- Khế ước số 6000001100193217, chương trình cho vay hộ nghèo về nhà ở số tiền 8.000.000 đồng. Lãi suất 0,25%/tháng, ngày vay 06/8/2009, thời hạn cho vay: 120 tháng, ngày đến hạn: 06/8/2019. Số tiền lãi tồn pH trả đến ngày 15/8/2017 là 1.439.662 đồng.

- Khế ước số 6000001100193216, chương trình cho vay hộ nghèo, số tiền 10.000.000 đồng. Lãi suất 0,55%/tháng, ngày vay 11/7/2009, thời hạn cho vay: 36

tháng, ngày đến hạn: 06/9/2017. Số tiền lãi tồn phải trả đến ngày 15/8/2017 là 73.333 đồng.

Đề nghị khi ly hôn thì 2 khoản vay trên giao cho chị H tiếp tục sử dụng và có trách nhiệm trả gốc + lãi phát sinh cho đến khi tất toán hợp đồng đã ký với ngân hàng.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thu thập, đánh giá chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử vụ án và tại phiên tòa. Đề xuất hướng xử lý giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Hà Thị H và anh Hoàng Minh H1 trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 09/10/2008 UBND xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn theo pháp luật. Sau khi kết hôn, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc trong thời gian ngắn sau đó mâu thuẫn và ly thân, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là xử cho anh chị được ly hôn là phù hợp với thực tế.

[2] *Về con chung*: Trong quá trình chung sống anh chị có 02 con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 06/4/2000 và Hoàng Huyền A, sinh ngày 23/3/2011 hiện nay các cháu đang được chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, xét về yêu cầu của chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, nhằm đảm bảo quyền lợi toàn diện về mọi mặt cho con chung ổn định học tập, sinh sống và chị tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con chung. Yêu cầu của chị là tự nguyện, được anh H1 đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của cháu H. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu này của chị H, phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung*: Cần xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị H, anh H1 có 02 loại tài sản và thỏa thuận giá trị tài sản, yêu cầu Tòa án giải quyết gồm: 01 nhà gỗ ba gian lợp prôximăng trị giá 15.000.000 đồng trên thửa đất hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh H1 và chị H và 01 máy hút cát đã cũ trị giá 4.000.000 đồng. Tổng cộng 19.000.000 đồng. Thấy rằng đây là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình, do 2 bên không xác định được công sức đóng góp vào khối tài sản chung nên được phân chia mỗi bên $\frac{1}{2}$ theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì anh H1 hiện nay có khó khăn về nơi ăn, chỗ ở và có yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét về quyền lưu cư theo quy định của pháp luật.

[4] *Về vay nợ*: Vợ chồng anh H1, chị H còn nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền gốc là 18.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo 02 khế ước tính đến ngày 15/8/2017, thì tiền gốc và lãi là 19.512.995 đồng, khoản vay này để làm nhà ở dành cho hộ nghèo theo quy định của Chính phủ. Nay chị H đề nghị chia đôi mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ $\frac{1}{2}$ khoản vay và lãi là phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, xong cần giao cho mỗi bên có nghĩa vụ trả theo từng khế ước đối với tiền gốc và lãi vay là phù hợp thực tế và phù

hợp với điều kiện hiện nay của anh H1 là đi lại khó khăn nên làm ăn có thu nhập cũng bị hạn chế. Nghĩa vụ chịu khoản tiền lãi phát sinh theo từng khế ước vay của vụ án này có một phần nội dung được áp dụng theo Bản án lệ số 08/2016/AL, ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, chị H và anh H1 phải chịu án phí chia tài sản và nghĩa vụ về tài sản theo quy định pháp luật. Vì anh Hoàng Minh H1 là chủ hộ nghèo (Bút lục số 33), thành viên trong hộ gia đình có chị Hà Thị H nên chị H được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H và anh H1 được miễn toàn bộ án phí chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 33,37,56,57,58,59,60,63,81,82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 357, 468 của Bộ luật Dân sự. Bản án lệ số 08/2016/AL, ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ khoản 2,4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a,b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị H được ly hôn anh Hoàng Minh H1.

[2] Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 06/4/2000 và Hoàng Huyền A, sinh ngày 23/3/2011 cho chị Hà Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi thành niên hoặc khi chị H và anh H1 có yêu cầu khác.

2.2. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H là không yêu cầu anh Huy cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung:

Giao cho chị Hà Thị H được quyền sở hữu 01 nhà gỗ ba gian lợp prôximăng trị giá 15.000.000 đồng trên thửa đất hiện nay chưa được cấp có thẩm quyền công nhận, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và 01 máy hút cát đã cũ trị giá 4.000.000 đồng. Tổng cộng chị H được sở hữu là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng). Chị H có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho anh Hoàng Minh H1 là 9.500.000 đồng (Chín triệu năm trăm ngàn đồng).

Anh H1 có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư 06 (Sáu) tháng kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật hoặc do các bên có thỏa thuận khác để anh H1 tìm chỗ ở mới.

[4] Về vay nợ: Xác nhận vợ chồng anh H1, chị H còn nợ ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 15/8/2017 là 19.512.995 đồng (Mười chín triệu năm trăm mười hai ngàn chín trăm chín mươi lăm đồng).

Buộc chị Hà Thị H phải trả khoản vay của khế ước số 6000001100193216, số tiền gốc và lãi đến ngày 15/8/2017 là 10.073.333 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi ba đồng).

Buộc anh Hoàng Minh H1 phải trả khoản vay của khế ước số 6000001100193217, số tiền gốc và lãi đến ngày 15/8/2017 là 9.439.662 đồng (Chín triệu bốn trăm ba mươi chín ngàn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Viện dẫn, trích nội dung tương tự án lệ số 08/2016/AL, ngày 17/10/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Đối với khoản tiền vay của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ, ngoài khoản tiền gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng phải thanh toán cho bên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm chị H và anh H1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất mà chị H, anh H1 phải tiếp tục thanh toán cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ theo quyết định của tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Phú Thọ.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị H được miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H và anh H1 được miễn toàn bộ án phí chia tài sản được hưởng và nghĩa vụ trả nợ. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai thu số AA/2017/0002451 ngày 27/4/2017. Chị H được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Phòng GDNHCSXH huyện;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Anh